

Thứ ba, ngày 14 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Hồi phục nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/1/2020		•	
Tuần 13/1-17/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Vận động tích cực vào cả hai phiên sáng và chiều, VN-Index ghi nhận mức hồi phục nhẹ. Các mã cổ phiếu bluechips trụ cột như HPG, VPB, VNM, CTG, BID có mức tăng tốt đã giúp chỉ số một lần nữa quay trở lại áp sát mốc 968 điểm. Thị trường vận động cùng chiều với các TTCK chủ chốt khác trong khu vực nhờ thông tin thương mại Mỹ-Trung có diễn biến tích cực hơn. Theo đó, Mỹ đã loại bỏ Trung Quốc khỏi danh sách các quốc gia thao túng tiền tệ. Việt Nam không bị gán mác thao túng tiền tệ và nằm trong danh sách theo dõi của Mỹ. Thanh khoản thị trường cũng đã hồi phục trở lại sau phiên giảm mạnh hôm trước cho thấy tâm lý tích cực đang dần trở lại thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay thuận theo trạng thái tăng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/1/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme_BDS & Khu công nghiệp _1.2%. 15/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **BDS & Khu công nghiệp** - gồm các cổ phiếu có triển vọng khả quan nhất trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh BDS - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.2%**, con số này của **VNINDEX** là **0.2%**

Phân tích kỹ thuật: ACB_ Xu hướng tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.16 điểm**, đóng cửa **967**. HNX-Index **+1.06 điểm**, đóng cửa **103.36**.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.60); VPB (+0.39); CTG (+0.32); VNM (+0.20); TCH (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.22); SAB (-0.17); HVN (-0.17); BVH (-0.15); PLX (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,184** tỷ đồng, **+14.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là **3.04** điểm, co hẹp mạnh so với phiên trước. Thị trường có **155** mã tăng, **63** mã tham chiếu và **163** mã giảm.
- Giá trị **mua ròng** của khối ngoại: **244.78** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (288.2 tỷ), VNM (11.8 tỷ) và SCS(10.1 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **0.86** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

967.00

Giá trị: 2184.51 tỷ

1.16 (0.12%)

Khối ngoại (ròng): 244.78 tỷ

HNX-INDEX

103.36

Giá trị: 237.18 tỷ

1.06 (1.04%)

Khối ngoại (ròng): 0.86 tỷ

UPCOM-INDEX

55.70

Giá trị: 157.72 tỷ

0.06 (0.11%)

Khối ngoại (ròng): -4.37 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.0	-0.10%
Giá vàng	1,545	-0.19%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,810	0.21%
Tỷ giá JPY/VND	21,082	0.02%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	3.76%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-4.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	288.3	CTI	69.8
VNM	11.8	PDR	26.1
SCS	10.1	VCB	12.4
HPG	9.8	VJC	9.6
VHM	8.1	PVD	8.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **15/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **BDS & Khu công nghiệp** - gồm các cổ phiếu có triển vọng khả quan nhất trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh BDS - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.2%**, con số này của VNINDEX là 0.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **12/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_1.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
BDS & Khu công nghiệp	1.2%	0.9%	-0.7%	-2.9%	-2.0%	8.1%	59.1%	16.3%
Ngân hàng	0.9%	3.4%	5.1%	1.1%	13.2%	25.4%	93.0%	22.2%
Vật liệu Xây dựng	0.7%	0.9%	-3.0%	-2.5%	-0.9%	10.7%	6.9%	18.6%
Lãi suất giảm	0.6%	-0.8%	-2.2%	-8.1%	-8.5%	0.5%	48.8%	18.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.6%	2.7%	3.2%	-1.8%	7.3%	15.4%	49.6%	19.6%
VN FinSelect	0.6%	2.4%	2.7%	-2.3%	5.5%	12.4%	43.5%	18.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	1.1%	-0.9%	-6.7%	-0.8%	7.3%	56.3%	14.5%
FTSE Việt Nam	0.4%	0.8%	0.0%	-1.5%	1.6%	10.0%	88.5%	14.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	0.7%	0.3%	-2.9%	10.3%	31.5%	121.2%	18.8%
Chiến tranh thương mại	0.4%	-0.7%	-2.3%	-6.8%	-11.9%	5.6%	10.0%	15.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	0.9%	-0.2%	-2.5%	-0.3%	8.7%	77.6%	13.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	-2.3%	-3.5%	0.0%	-4.6%	14.5%	44.4%	14.5%
VN Diamond	0.3%	0.2%	0.5%	-4.9%	9.2%	18.5%	69.8%	16.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	0.4%	0.6%	-3.1%	6.4%	17.8%	83.9%	15.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	0.0%	0.0%	-4.7%	7.9%	18.0%	74.3%	17.2%
Nước & Năng lượng	0.0%	-1.9%	-4.7%	-7.0%	-9.2%	3.9%	40.9%	14.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	0.0%	-2.2%	-6.8%	-14.0%	-5.5%	42.1%	21.4%
Xây dựng	-0.3%	-1.9%	-5.3%	-16.1%	-17.4%	-13.4%	14.9%	18.1%
Hàng tiêu dùng	-0.4%	-0.7%	-1.9%	-11.4%	-4.6%	2.3%	56.4%	17.2%
Dầu khí	-0.6%	-4.9%	-4.5%	-9.0%	-15.4%	-0.4%	17.0%	22.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 8	1.4%	2.2%	0.7%	-1.7%	3.2%	17.1%	60.6%	17.3%
Danh mục 5	0.6%	0.6%	-0.9%	-3.6%	-0.6%	15.4%	65.2%	17.1%
Danh mục 3	0.5%	0.0%	-0.3%	-2.9%	7.2%	21.1%	70.7%	18.4%
Danh mục 6	-0.3%	0.0%	-3.0%	-10.1%	-2.0%	11.2%	87.4%	21.7%
Danh mục 10	-0.3%	-0.5%	-0.2%	-4.1%	-3.2%	6.7%	48.8%	16.6%

* Note
12/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 19	1.5%	1.7%	1.7%	-1.1%	8.7%	23.8%	62.5%	15.3%
Danh mục 20	1.5%	1.7%	0.7%	-1.6%	6.6%	18.6%	60.5%	16.6%
Danh mục 21	0.3%	0.3%	0.1%	-3.8%	6.3%	18.8%	60.1%	15.6%
Danh mục 23	0.1%	0.0%	-6.4%	-9.5%	-8.1%	13.7%	83.0%	18.7%
Danh mục 24	-0.3%	-1.6%	-1.6%	-6.1%	-3.8%	25.3%	90.8%	20.0%

* Note
6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.2%	0.9%	0.1%	-2.7%	-0.9%	7.7%	44.0%	15.3%
VN30INDEX	0.4%	1.0%	0.6%	-4.2%	1.7%	3.2%	39.7%	15.7%

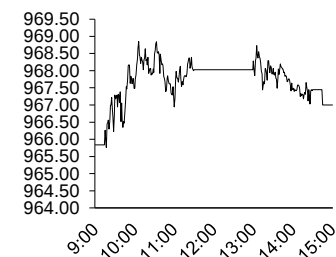
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH
1/14/2020
Vietnam Daily Review

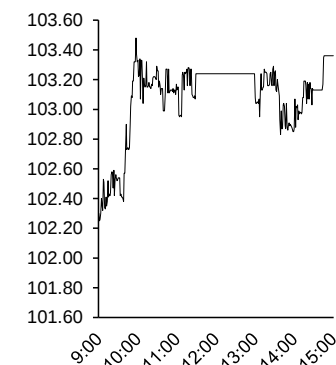
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-0.9%
Dầu khí	-0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.6%
Bán lẻ	-0.5%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Dịch vụ tài chính	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hóa chất	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Bất động sản	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.3%
Ngân hàng	0.4%
Truyền thông	0.7%
Y tế	1.4%
Tài nguyên Cơ bản	2.4%
Ô tô và phụ tùng	3.1%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

ACB_ Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: ACB vừa hình thành phiên bứt phá sau khi tích lũy tại vùng giá 22.5-23. Thanh khoản cổ phiếu đang có dấu hiệu hồi phục và trở về ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá ngắn hạn đang hình thành. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế mua tại vùng giá 23-23.5, chốt lãi trung hạn tại ngưỡng giá 26.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Định giá

Chúng tôi giữ quan điểm MUA cổ phiếu ACB với giá mục tiêu 27,800 VND vào cuối năm 2020, điều chỉnh +5.7% giá mục tiêu so với báo cáo trước với quan điểm (1) Khả năng sinh lời cao, (2) chất lượng tài sản tốt, (3) Nhiều catalyst có thể xảy ra trong năm 2020.

Dự báo KQKD: Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020.

Catalyst

(1) Nhiều khoản thu nhập bất thường có thể được ghi nhận trong năm 2020.

Rủi ro đầu tư

(1) Tốc độ tăng trưởng không cao so với kỳ vọng do giữ chất lượng sản tốt.

Quan điểm đầu tư (chi tiết tham khảo trang 2)

Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy

Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.

Tỷ lệ an toàn vốn ở mức an toàn (ước tính của BSC = 12.4%), giúp đảm bảo an toàn trước tác động lớn từ thị trường.

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 13/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 13/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.18	-1.68%	-8.04%	-2.83%	15.19%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.20	-1.26%	-6.83%	-1.26%	8.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.67	-0.08%	-5.20%	0.29%	22.28%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1548.95	-0.81%	-1.01%	5.01%	19.92%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.97	-0.51%	-0.89%	5.52%	14.81%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	939.24	-0.18%	-0.48%	2.14%	5.44%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	560.26	-0.31%	1.66%	1.42%	8.95%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.00	-0.18%	0.18%	-12.33%	20.82%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	176.00	-0.28%	-0.11%	-0.23%	-6.28%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.16	0.64%	3.13%	6.55%	11.06%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.80	0.00%	12.00%	-10.54%	-5.41%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	114.55	-3.70%	-6.22%	-15.65%	11.48%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.86	1.52%	2.41%	1.98%	8.06%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3801.00	-2.06%	1.36%	1.55%	4.14%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1806.00	0.14%	-0.99%	2.61%	-1.20%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.50	-0.53%	0.00%	1.08%	26.35%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	75.33	1.63%	8.39%	10.13%	-22.60%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch ngày 13/01, dầu thô Brent giảm 78 US cent xuống 64.2 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 96 US cent xuống 58.08 USD/thùng.
- Giá dầu giảm khoảng 1% do căng thẳng Trung Đông giảm bớt và các nhà đầu tư chuyển tập trung sang nhu cầu mùa vụ suy giảm, sau báo cáo của Mỹ cho thấy rằng tồn trữ nhiên liệu ở mức cao.
- Tồn trữ xăng của Mỹ có tuần tăng mạnh nhất trong 4 năm, tăng 9.1 triệu thùng trong tuần tính đến ngày 3/1/2020. Tổng dự trữ xăng xe máy chiếm khoảng 5% - cao hơn mức trung bình 5 năm trong thời điểm này của năm. Đồng thời, dự trữ sản phẩm chưng cất bao gồm dầu diesel và dầu sưởi tăng 5.3 triệu thùng trong tuần, vượt so với dự kiến tăng 3.9 triệu thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.8% xuống 1,549.5 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 2/2020 giảm 0.6% xuống 1,550.6 USD/ounce.
- Giá vàng giảm bởi việc ký kết thỏa thuận sơ bộ Mỹ - Trung sắp tới và các dấu hiệu căng thẳng Trung Đông giảm bớt, khiến nhu cầu mua vàng thời là tài sản trú ẩn an toàn giảm.
- Đồng USD tăng so với giỏ tiền tệ chủ chốt, khiến chi phí nắm giữ vàng bằng đồng USD đắt hơn so với tiền tệ khác.

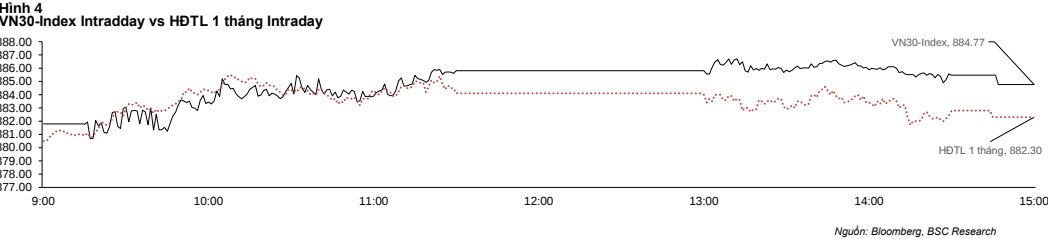
Giá sắt thép

Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.4% xuống 657 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 1.1% xuống 3,530 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng giảm 0.9% xuống 3,564 CNY/tấn, sau khi Hiệp hội ngành công nghiệp ô tô cho biết doanh số bán ô tô trong tháng 12/2019 giảm tháng thứ 18 liên tiếp. Hiệp hội cũng cho biết, thị trường ô tô Trung Quốc có khả năng giảm năm thứ 3 liên tiếp trong năm 2020 sau khi giảm 8.2% trong năm 2019.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 3 US cent tương đương 2.5% xuống 1.1595 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 37 USD tương đương 2.75% xuống 1.308 USD/tấn. Việt Nam – nước sản xuất cà phê robusta hàng đầu thế giới – xuất khẩu 188,246 tấn tương đương 3.14 triệu bao (60 kg) trong tháng 12/2019, tăng 66.8% so với tháng 11/2019.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2019 giảm 0.06 US cent tương đương 0.4% xuống 14.01 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 1.9 USD tương đương 0.5% lên 378.7 USD/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2001	882.30	0.32%	-2.47	6.5%	74369	1/16/2020	4
VN30F2002	882.80	0.25%	-1.97	103.6%	894	2/20/2020	39
VN30F2003	884.00	0.11%	-0.77	-52.9%	16	3/19/2020	67
VN30F2006	889.00	0.12%	4.23	-72.6%	31	6/18/2020	158

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2.98 điểm lên mức 884.77 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, MBB, VNM và NVL tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 tăng từ đầu phiên sáng và duy trì trạng thái tích cực đến cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ tiếp cận lại ngưỡng 890 trong tuần này.
- Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay thuận theo trạng thái tăng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2001 và VN30F2002 tăng trong khi VN30F2003 và VN30F2006 lại giảm. Bên cạnh đó, chỉ duy nhất VN30F2003 giảm về vị thế mở, còn các hợp đồng còn lại đều tăng. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1909	KIS	5/15/2020	122	3:1	88,150	1659.5%	5.0 triệu	24.93%	1,800	1,580	16.18%	1,798.30	0.88
CHPG1907	SSI	4/22/2020	99	1:1	105,060	1613.9%	1.0 triệu	24.93%	4,200	5,330	12.92%	4,367.40	1.22
CHPG1908	MBS	1/22/2020	8	2:1	58,770	101.5%	2.0 triệu	24.93%	1,450	2,110	10.47%	4,521.30	0.47
CMBB1903	SSI	4/22/2020	99	1:1	32,360	-17.4%	3.0 triệu	17.98%	4,000	1,990	4.19%	702.50	2.83
CMBB1905	HSC	4/8/2020	85	2:1	21,780	-59.9%	5.0 triệu	17.98%	1,700	780	4.00%	298.10	2.62
CVPB1901	VND	3/5/2020	51	1:1	179,080	63.7%	2.0 triệu	21.21%	3,500	3,870	3.75%	3,278.60	1.18
CNVL1901	KIS	2/7/2020	24	4:1	105,570	-47.4%	5.0 triệu	19.36%	1,900	350	2.94%	12.90	27.13
CREE1902	SSI	1/22/2020	8	1:1	76,530	36.5%	1.0 triệu	22.63%	5,600	940	1.08%	402.70	2.33
CHDB2001	KIS	6/19/2020	157	2:1	26,020	1188.1%	5.0 triệu	22.05%	2,000	2,200	0.00%	1,386.10	1.59
CFPT1908	MBS	6/17/2020	155	3:1	25,890	28.0%	2.4 triệu	21.21%	3,150	3,010	0.00%	5,493.00	0.55
CMBB1904	SSI	1/22/2020	8	1:1	43,260	-84.9%	2.0 triệu	17.98%	2,900	420	0.00%	66.60	6.31
CVRE1903	KIS	5/15/2020	122	2:1	60,140	5.4%	4.0 triệu	22.23%	2,700	1,810	-0.55%	677.30	2.67
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	8	5:1	71,500	-36.8%	1.5 triệu	21.81%	2,220	2,000	-0.99%	9,982.30	0.20
CTCB1902	VND	6/5/2020	143	1:1	51,450	-17.3%	2.0 triệu	21.46%	5,300	3,760	-1.05%	2,647.90	1.42
CMWG1907	HSC	4/8/2020	85	10:1	45,980	0.7%	5.0 triệu	22.40%	1,900	860	-2.27%	1,658.10	0.52
CFPT1906	HSC	4/8/2020	85	5:1	155,200	77.2%	5.0 triệu	21.21%	1,700	1,180	-2.48%	2,640.70	0.45
CMSN1902	KIS	5/15/2020	122	5:1	133,570	37.7%	2.0 triệu	26.59%	1,640	770	-3.75%	92.00	8.37
CVMN1904	HSC	4/8/2020	85	10:1	24,160	-22.6%	5.0 triệu	17.90%	1,900	660	-10.81%	51.40	12.84
CTCB1901	MBS	1/17/2020	3	2:1	44,290	134.6%	2.0 triệu	21.46%	1,680	80	-20.00%	10.10	7.92
Tổng:					1,348,760		48.90 triệu	21.59%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/1/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch giảm so với phiên hôm trước.
- Về giá, CHPG1909 và CHPG1907 tăng mạnh nhất lần lượt là 16.18% và 12.92%, ở chiều hướng ngược lại, CTCB1901 và CVMN1904 giảm mạnh nhất lần lượt là 20% và 10.81%. Thanh khoản thị trường giảm 7.88%. CVPB1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.8% thị trường.
- Có 8/42 chứng quyền có giá thị trường thấp hơn giá lý thuyết. CVJC1902 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	25.00	3.09	1.71
VPB	21.15	2.67	1.28
MBB	21.50	0.94	0.38
VNM	117.80	0.34	0.28
ROS	12.05	6.64	0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	56.6	-0.70	-0.26
STB	10.3	-0.96	-0.25
MWG	113.9	-0.52	-0.24
VJC	146.0	-0.34	-0.18
TCB	22.9	-0.22	-0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1909	28,280	24,680	25,000
CHPG1907	25,200	21,000	25,000
CHPG1908	23,400	20,500	25,000
CMBB1903	26,000	22,000	21,500
CMBB1905	26,400	23,000	21,500
CVPB1901	21,500	18,000	21,150
CNVL1901	69,688	62,088	55,400
CREE1902	41,600	36,000	35,800
CHDB2001	33,099	29,099	28,000
CFPT1908	63,450	54,000	57,000
CMBB1904	24,900	22,000	21,500
CVRE1903	41,189	35,789	33,750
CPNJ1902	90,100	79,000	88,900
CTCB1902	26,300	21,000	22,900
CMWG1907	144,000	125,000	113,900
CFPT1906	65,500	57,000	57,000
CMSN1902	86,089	77,889	56,600
CVMN1904	152,000	133,000	117,800
CTCB1901	26,860	23,500	22,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.9	-0.5%	0.8	2,244	1.6	8,321	13.7	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	88.9	-0.1%	1.0	870	1.7	4,839	18.4	4.8	49.6%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	66.0	-1.0%	1.3	2,130	0.5	1,889	34.9	3.0	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.1	0.3%	0.7	323	0.1	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.0	0.1%	1.0	16,912	0.5	1,589	72.4	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.8	0.0%	1.1	3,334	0.8	1,033	32.7	2.8	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.4	0.7%	0.8	2,335	0.5	3,187	17.4	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	35.8	0.1%	1.0	483	0.5	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.4	-1.5%	1.4	304	0.7	3,215	4.2	0.8	45.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.4	0.5%	1.4	406	0.9	1,769	10.4	1.0	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	29.0	0.0%	1.0	207	0.1	5,067	5.7	1.3	36.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.5	0.0%	1.5	285	0.5	1,287	16.7	1.5	56.6%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.0	-0.2%	0.9	1,681	1.8	4,688	12.2	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	42.0	0.0%	0.4	454	0.0	4,156	10.1	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	94.9	-0.4%	1.7	7,897	0.7	5,886	16.1	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	55.5	-0.7%	1.5	2,873	0.2	3,467	16.0	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.0	0.0%	1.6	374	1.8	2,062	8.7	0.7	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.4	-1.3%	0.8	998	0.5	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	90.0	3.3%	0.5	512	0.1	4,535	19.8	3.7	54.5%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.8	-0.8%	0.8	218	0.2	650	19.7	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.0	0.0%	0.6	138	0.0	625	9.6	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.4	0.0%	1.3	14,416	3.9	5,274	17.0	4.1	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	50.1	0.0%	1.6	8,761	1.6	2,109	23.8	3.0	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	23.5	1.3%	1.6	3,804	7.2	1,641	14.3	1.2	29.6%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.2	2.7%	1.2	2,242	1.9	3,341	6.3	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.5	0.9%	1.2	2,174	4.3	3,261	6.6	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.5	2.6%	1.1	1,693	2.9	3,585	6.6	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.5	1.1%	0.8	162	0.0	5,073	9.0	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	30.9	-1.3%	0.3	132	0.0	4,603	6.7	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.1	0.7%	1.3	649	0.0	732	20.6	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	25.0	3.1%	0.9	3,001	10.3	2,526	9.9	1.5	38.3%	17.4%
HSG	Thép	8.1	2.0%	1.6	149	1.2	890	9.1	0.6	17.8%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	117.8	0.3%	0.7	8,919	1.7	5,527	21.3	7.5	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.0	-0.4%	0.8	6,496	0.1	7,365	31.6	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.6	-0.7%	1.2	2,877	0.9	4,512	12.5	2.0	39.1%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	-0.3%	0.6	476	0.9	440	42.4	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	71.2	-1.1%	0.8	6,739	0.1	2,630	27.1	5.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.0	-0.3%	1.1	3,325	3.1	9,850	14.8	5.6	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	32.2	-1.2%	1.7	1,986	0.4	1,747	18.4	2.5	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.5	0.0%	0.8	278	0.1	1,949	11.0	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	15.5	0.0%	0.6	190	0.1	2,571	6.0	1.0	31.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.6	-2.2%	1.0	442	0.6	8,338	7.6	3.2	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	0.0%	0.7	351	0.2	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	0.7%	0.8	246	0.1	1,912	7.7	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	49.6	-0.2%	0.8	165	0.2	9,842	5.0	0.5	47.4%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.6	0.0%	1.1	492	0.1	1,557	16.4	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.6	3.6%	0.4	265	0.9	1,845	13.3	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	10.9	-0.9%	0.6	1,110	0.7	820	13.3	1.0	13.7%	7.8%
NT2	Điện	18.5	0.5%	0.5	232	0.1	2,721	6.8	1.3	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	25.00	3.09	0.60	9.57MLN
VPB	21.15	2.67	0.39	2.05MLN
CTG	23.50	1.29	0.33	7.04MLN
VNM	117.80	0.34	0.20	335180.00
TCH	36.60	4.87	0.18	779660.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.50	2.62	0.98	2.85MLN
DGC	24.60	2.07	0.04	32600.00
CEO	8.90	2.30	0.03	135000.00
INN	30.00	6.76	0.03	100.00
L14	57.70	2.49	0.02	82300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	94.90	-0.42	-0.22	166850.00
SAB	233.00	-0.38	-0.17	9340.00
HVN	32.20	-1.23	-0.17	262760.00
BVH	66.00	-1.05	-0.15	171640.00
PLX	55.50	-0.72	-0.15	94530.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	63.60	-2.15	-0.05	204100.00
SJE	18.90	-10.00	-0.03	300.00
TAR	26.10	-7.77	-0.03	123800.00
HUT	2.10	-4.55	-0.02	479800.00
SHS	7.50	-1.32	-0.01	283900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ST8	16.90	6.96	0.01	10.00
CLG	2.62	6.94	0.00	44090.00
DAH	8.80	6.93	0.01	177650.00
CDC	17.05	6.90	0.01	10.00
KBC	16.35	6.86	0.15	7.76MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	207500.00
DST	0.90	12.5	0.00	235800.00
FID	1.00	11.1	0.00	93500.00
NRC	11.00	10.0	0.01	10500.00
VNT	51.10	9.9	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	3.72	-7.00	0.00	20.00
UDC	4.12	-7.00	0.00	330.00
KPF	17.30	-6.99	-0.01	2190.00
PGD	43.45	-6.96	-0.09	740.00
PNC	13.45	-6.92	0.00	80.00

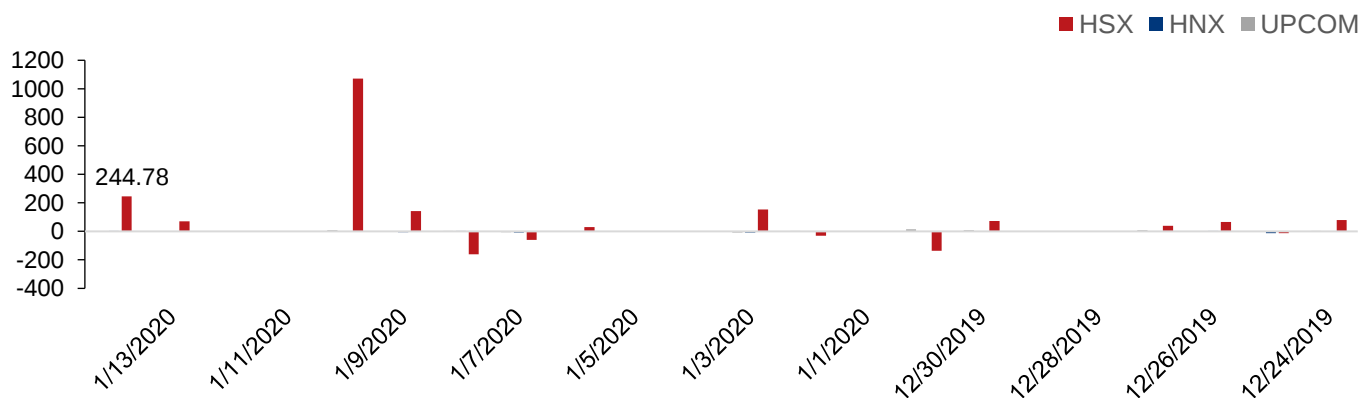
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	0.80	-11.11	0.00	316600.00
SJE	18.90	-10.00	-0.03	300.00
MCF	9.10	-9.90	0.00	200.00
QHD	19.30	-9.81	-0.01	7000.00
CT6	3.70	-9.76	0.00	500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.0	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	88.9	4,839	18.4	4.8	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	15.5	2,571	6.0	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	162.4	29,035	5.6	4.4	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	14.7	0	13.8	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	113.9	8,321	13.7	4.5	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.5	3,585	6.6	1.5	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	11.9	2,692	4.4	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	22.9	2,660	8.6	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	115.5	6,216	18.6	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.4	5,274	17.0	4.1	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.3	9,530	3.2	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	57.0	4,688	12.2	2.8	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.9	3,491	6.8	1.1	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.9	2,246	8.0	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	32.8	2,846	11.5	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	56.6	4,512	12.5	2.0	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	117.8	5,527	21.3	7.5	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.7	2,887	7.5	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	35.8	5,614	6.4	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn